TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông V Huy Hoàng

2. Bà Trần Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà V Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 721/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 953/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 797/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm: 1973 – Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Phi V**,** sinh năm: 1972 – Vắng mặt

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16/7/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Trần Phi V bắt đầu chung sống từ năm 1991, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/9/1991. Thời gian đầu vợ cH chung sống hạnh phúc nhưng đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ cH bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp,vợ cH thường xuyên cãi vã, cuộc sống không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, không còn hạnh phúc. Tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông V ngày càng trầm trọng và từ tháng 12/1997, ông V

bỏ nhà đi biệt tích, đến nay không có tin tức xác thực là còn sống. Bà H cùng gia đình đã tìm kiếm, nhưng vẫn không có tin tức gì của ông V.

Sau khi ông Trần Phi V bỏ đi, bà H đã tự phải chăm sóc gia đình và nuôi dạy con chung Trần Đỗ Tuyết N, sinh ngày: 07/9/1995 đến khi trưởng thành, mục đích kết hôn với ông V không đạt được.

Ngày 20/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 252/2024/QĐST-DS tuyên bố ông Trần Phi V mất tích, nơi cư trú cuối cùng: F7/6 ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh

Bà H nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Phi V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông V có 01 con chung tên là Trần Đỗ Tuyết N, sinh ngày 07/9/1995. Bà Như đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Trần Phi V vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Phi V. Bị đơn ông Trần Phi V có nơi cư trú cuối cùng tại: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Phi V đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 252/2024/QĐST-DS ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, theo đó Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo Pháp Luật trong ba số liên tiếp, phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông V vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số: 1/91 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/1991 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Trần Phi V là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà H xác định giữa bà và ông V phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ cH chung sống thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung, không thể tìm được phương cách giải quyết mâu thuẫn, tình cảm vợ cH đã không còn. Đồng thời, ông V đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đến nay vẫn chưa quay trở về địa phương hay có thông tin, tin tức gì. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông V.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Công văn số: 4738/UBND ngày 23/10/2024 về việc phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Trần Phi V ghi nhận Tổ hòa giải liên ấp 67-68 chưa có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu hòa giải tranh chấp hay mâu thuẫn hôn nhân và gia đình nào giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Trần Phi V. Còn ông Trần Phi V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, điều này cho thấy ông V đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ cH với bà H nữa. Như vậy mục đích hôn nhân giữa bà H, ông V đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ngoài ra ông Trần Phi V đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 252/2024/QĐST-DS ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn đối với ông V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H xác nhận quá trình chung sống giữa bà và ông V có 01 con chung tên là: Trần Đỗ Tuyết N, sinh năm 1995. Hiện nay bà Như đã trưởng thành, không bị mất khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, còn ông V vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của bà H và Tòa không đặt ra để giải quyết, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H đối với bị đơn ông Trần Phi V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Phi V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số: 1/91 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/1991 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Đỗ Tuyết N, sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Thu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Thu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P số: 0005789 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Long Toàn

